TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-PT
Ngày 22/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình, bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án ND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát *nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*

Ông Đỗ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2022/TLPT-HS ngày 10/5/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Bá T, Tạ Ngọc Bình M, Phạm Đình D do có kháng cáo của đại diện bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

**** Các bị cáo:***

1. Nguyễn Bá T, sinh ngày 10/10/2005 tại Thái Bình.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Không xác định, con bà Nguyễn Thị K.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2021, đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. *(có mặt tại phiên tòa).*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ của bị cáo. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1957 là ông ngoại của bị cáo, ở cùng địa chỉ với bị cáo. *(có mặt).*

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Đỗ Thị D1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. *(có mặt).*

2. Tạ Ngọc Bình M, sinh ngày 16/9/2005 tại Thái Bình.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Tạ Hồng Đ và bà Bùi Thị O.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt tại phiên tòa).*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Tạ Hồng Đ và bà Bùi Thị O là bố mẹ đẻ của bị cáo. *(có mặt).*

3. Phạm Đình D, sinh ngày 12/9/2006 tại Thái Bình.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị H1.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt tại phiên tòa).*

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị H1 là bố mẹ đẻ của bị cáo, *(có mặt).*

Người bào chữa cho bị cáo M và bị cáo D: Bà Phan Thị Minh H2 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình. *(có mặt).*

**** Bị hại:*** Cháu Vũ Văn Q, sinh ngày 31/3/2005, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(có mặt).*

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Vũ Văn T2, bà Phạm Thị D là bố, mẹ của bị hại, *(có mặt).* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức T3, sinh năm 1959 là ông ngoại của cháu Q, ở cùng địa chỉ *(có mặt).*

Người làm chứng: Anh Nguyễn Minh Q1, sinh năm 2003; anh Nguyễn Quang T4, sinh năm 2003; anh Vũ Tiến G, sinh năm 2000; anh Vũ Trọng D2, sinh năm 2002; anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1998; ông Phạm Đắc M sinh năm 1965; cháu Nguyễn Bá H3 sinh năm 2005; cháu Phạm Đắc K sinh năm 2004; cháu Nguyễn Thái B, sinh năm 2004; cháu Vũ bá Q2, sinh năm 2005, chị Nguyễn Thị H4 sinh năm 2004, bà Tạ Thị Q3 sinh năm 1971, đều trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh T4, cháu K, B, Q2)

Đại diện cơ quan tổ chức nơi các bị cáo đang sinh hoạt: Bà Lê Mỹ H1 -Đoàn thanh niên xã T, huyện T, (*vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa nhóm của Nguyễn Bá T, Tạ Ngọc Bình M, Phạm Đình D với nhóm của Vũ Bá Q2, Vũ Văn Q trú tại thôn Đ, xã T, chiều ngày 28/5/2021, Vũ Bá Q2 và một số người đến nhà tìm T để giải quyết mâu thuẫn nhưng không gặp. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T rủ M, D, Nguyễn Quang T4, Nguyễn Bá H3, Nguyễn Minh Q1, cùng trú tại Thôn T, xã T, đi uống bia tại quán của anh Sang ở thôn Bắc, xã T. Trong lúc uống bia, T xem lại tin nhắn trên facebook, nhóm của Q2 đã áp T vào trong nhóm, nhóm này có Q, Q2 và một số thanh niên khác. Thấy Q2, Q và một số người chửi T, T bực tức vì bị sỉ nhục là không cha, không mẹ và buổi chiều nhóm Q2 còn tìm đến nhà T nên T nói: *" Chiều nay nhóm thằng Quyết Cương đến nhà tìm tao"*. Khoảng 15 phút sau, T4 và Q1 sang bàn khác mời bia, còn lại T, M, D, H3. Lúc này T nói *"Tí uống bia xong xuống thôn Đ nói chuyện"*. Mọi người không nói gì, M gật đầu. Khoảng 20 giờ T đứng lên, sau đó D lấy xe máy của Nguyễn Hải Anh cùng uống bia tại quán chở T đi trước, tiếp theo Q1 chở H3 bằng xe máy, cuối cùng là T4 chở M bằng xe điện, đi cách nhau khoảng 20 đến 30 mét. Khi đi đến khu vực nhà văn hóa Thôn T, T bảo D dừng lại. T chạy vào trong nhà vệ sinh của nhà văn hóa lấy 1 chiếc tuýp sắt có gắn dao bầu (phóng lợn) bọc trong 2 bao nilon màu vàng, (do T đã cất giấu ở đó). T cầm chạy ra xe của D, đồng thời lúc này xe của Q1, T4 đi

đến. Sau đó cả nhóm tiếp tục đi về hướng nhà văn hóa thôn Đ, xã T. Xe của D đi phía trước, do có ánh đèn xe ngược chiều, D nhìn xuống thấy trong bao T cầm ngang thân xe có hở ra một đoạn tuýp sắt khoảng 10 cm, D biết đó là hung khí nhưng vẫn tiếp tục chở T đi. Khoảng 20 giờ 15 phút, khi xe máy D điều khiển cách vị trí ghế đá ở trước nhà văn hóa khoảng 15 m, T nhìn thấy có khoảng 5 - 6 thanh niên đang ngồi chơi nên T nhảy xuống, cầm phóng lợn, vừa tháo vứt vỏ bao vừa chạy đến và hỏi *"Quyết Cương đâu"*. Lúc này, Vũ Văn Q quay mặt lại, nhìn về phía T. Do sẵn có mâu thuẫn với nhóm Q2 và Q nên T hai tay cầm phóng lợn dơ lên chém 1 nhát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào khuỷu tay trái của Q. Q ôm tay chạy ra phía giữa đường, lúc này xe của T4 chở M đi đến. M nhảy xuống xe, chạy lại đánh Q thì Q bỏ chạy. M và T cùng đuổi theo Q. M đấm liên tiếp 3 đến 4 nhát vào vùng đầu của Q thì Q chạy vào trong nhà ông Nguyễn Chí Hướng ở đối diện. M, T đuổi theo thì bị ông Hướng đuổi ra ngoài. Sau đó, ông Hướng đuổi Q ra ngoài. Q chạy về phía cổng chào của thôn, T và M tiếp tục đuổi theo khoảng 15 mét thì dừng lại. D, T4, Q1, H3 đi xe đến và gọi T, M lên xe đi về Thôn T. Sau khi chém Q, T đã vứt chiếc tuýp sắt hàn dao bầu xuống cầu ông Ễ. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy. Q được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình và bệnh viên Việt Đức - Hà Nội.

Hậu quả, cháu Q bị thương tích vùng tay trái do vật sắc T3 động làm rách da, tổ chức dưới da, gãy hở trên lồi cầu cánh tay, bong mỏm vẹt xương trụ, đứt cơ tam đầu cánh tay, đài quay vỡ một thành, đứt thần kinh trụ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 53%.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho cháu Q 50 triệu đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Phạm Đình D và Tạ Ngọc Bình M phạm tội " Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17, 58; 38, 48, 98, 101 Bộ luật hình sự.

2.1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bá T 3 (Ba) năm tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22 tháng 9 năm 2021.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 và thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, 58, 38, 98, 101, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự.

2.2 Xử phạt bị cáo Phạm Đình D 2 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành tính từ ngày chấp hành hình phạt tù.

2.3 Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc Bình M 2 (Hai) năm tù. Thời hạn tính từ ngày chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự:

3.1. Buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Bá T là bà Nguyễn Thị K phải bồi thường cho bị hại cháu Vũ Văn Q số tiền 71.904.000 đồng; đã bồi thường 25.000.000 đồng còn phải bồi thường số tiền 46.904.000 đồng.

3.1. Buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đình D là ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới bồi thường cho bị hại cháu Vũ Văn Q số tiền 23.968.000 đồng; đã bồi thường 12.500.000 đồng còn phải bồi thường số tiền 11.468.000 đồng.

3.2. Buộc người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Ngọc Bình M là ông Tạ Hồng Đ và bà Bùi Thị O phải liên đới bồi thường cho bị hại cháu Vũ Văn Q số tiền 23.968.000 đồng; đã bồi thường 12.500.000 đồng còn phải bồi thường số tiền 11.468.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi thành án.

Ngày 09 và ngày 12/4/2022 đại diện bị hại có đơn kháng cáo đề nghị tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại và người đại diện bị hại trình bày: Việc dùng hung khí mang theo để gây án của các bị cáo là phạm tội có tổ chức và côn đồ. Hung khí không được thu giữ, gia đình anh T1 Q3 nơi cuối cùng bị hại chạy vào không được mời tham dự phiên tòa là thiếu. T, M, T4 cố tình đuổi theo khi bị hại đã bỏ chạy, đây là hành vi cố ý giết người không thành, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xét xử T, M, D về tội cố ý gây thương tích là không đúng tội và bỏ lọt tội phạm. Mức phạt T 3 năm tù là thấp. Mức bồi thường về tổn thất tinh thần 27/50 lần lương cơ bản là thấp chưa hợp lý. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo, người đại diện, người bào chữa của các bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên mức bồi thường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết của vụ án cũng như nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, người đại diện, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của đại diện bị hại làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

- Về yêu cầu xử lý các bị cáo về tội giết người:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại; biên bản ghi lời khai của người làm chứng, kết luận giám định thương tích, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T dùng hung khí ở tư thế đứng đối diện, bị hại ở tư thế ngồi, bị bất ngờ, trên tay không có phương tiện để chống trả, việc chém chết bị hại sẽ rất dễ dàng nhưng bị cáo chỉ chém 1 nhát vào tay bị hại, việc đuổi bị hại là để đánh gây thương tích vì nếu muốn giết bị hại thì với hung khí dài trên 1 m, bị hại lại vừa bị chém, đang bị hoảng loạn, việc chém chết bị hại càng dễ dàng. Điều đó thể hiện bị cáo không có ý muốn tước đoạt sinh mạng của bị hại. Bị cáo cũng không có lời nói thể hiện ý chí muốn giết bị hại. Án sơ thẩm quyết định các bị cáo phạm tội cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo yêu cầu xử lý các bị cáo về tội giết người không có căn cứ chấp nhận.

- Về việc bỏ lọt người phạm tội:

Tại biên bản đối chất ngày 26/11/2021 (bút lục số 112) có mặt người đại diện là ông Phạm Đức T3, bị hại khai: T chém, T và M đuổi, M đấm bị hại, còn người thứ ba bị hại không nhìn rõ chỉ đoán là T4. Lời khai của một số người làm chứng khai có anh T4 đuổi Q. Lời khai của các bị cáo, lời khai của anh T4, cháu Kha, cháu B tại phiên tòa hôm nay và một số người làm chứng khác khai chỉ có T và M đuổi Q. Tại bút lục số 302 có mặt ông T2, bị hại khai: "Có anh Hải, T4, M, Q1, D ở Thôn T cùng đuổi tôi". Như vậy sau khi bị chém, Q hoảng loạn nên có thể nhận diện của Q không chính xác vì nhóm của T đi xuống thôn Đ không có ai tên là Hải. Vì vậy không đủ căn cứ xác định anh T4 có đuổi cháu Q. Anh T4, anh Q1, H3 chỉ đi xuống thôn Đ cùng với T để xem T giải quyết mâu thuẫn với Q2 như thế nào. T4, H3, Q1 không có lời nói đe dọa, không có hung khí, không tham gia đánh cháu Q, không biết ý đồ của T đánh Q do đó T4, Q1, H3 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật. Việc không thu được hung khí gây án không ảnh hưởng gì đến việc xử lý bị cáo, vì hành vi T dùng hung khí chém cháu Q đã được làm rõ, T cùng thừa nhận và Tòa án cấp sơ thẩm đã xử lý T về hành vi dùng hung khí gây thương tích cho cháu Q. Anh T1 Q3 không tham gia phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ nên việc họ vắng mặt cũng không ảnh hưởng gì đến việc xét xử vụ án. Kháng cáo về việc có thêm người đồng phạm và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận.

- Về tăng mức hình phạt:

Việc mang theo hung khí chém Q là do T nảy sinh trên đường đi xuống thôn Đ, không có sự bàn bạc thống nhất giữa các bị cáo. Kháng cáo cho rằng các bị cáo phạm tội có tổ chức là không có căn cứ. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, T là người chuẩn bị hung khí và trực tiếp gây ra thương tích cho cháu Q. Sau khi T chém cháu Q, M đến nhìn thấy thì đuổi và đấm Q, D chỉ chở T đi đánh Q, D không trực tiếp tham gia đánh cũng không có lời nói kích động, đe dọa gì, do đó vai trò của T xếp thứ nhất, M thứ 2, D xếp thứ 3. Án sơ thẩm xếp M và D ngang nhau là không phù hợp với vai trò của các bị cáo.

T rủ nhóm của T xuống thôn Đ tìm nhóm của Q2 để nói chuyện nhưng trên đường đi T đã lấy hung khí chuẩn bị từ trước, khi đến nơi, thấy cháu Q là người

trong nhóm của Q2 thì chém luôn gây tổn thương cơ thể cho Q là 53%. Hành vi của T thể hiện tính côn đồ, hung hăng, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác. Mặc dù bị cáo là người chưa thành niên song với mức hình phạt 3 năm tù như án sơ thẩm đã tuyên là chưa phù hợp với tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, chưa đủ T3 dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Cần chấp nhận kháng cáo, tăng mức hình phạt đối với bị cáo T. Kháng cáo về việc tăng mức hình phạt đối với bị cáo T có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo M biết Q đã bị chém vẫn đuổi đấm Q nên mức án 2 năm tù là thỏa đáng.

D chỉ chở T đi, không tham gia đánh Q, khi phạm tội D chưa đủ 15 tuổi do vậy cần xét cho D được cải tạo tại địa phương để bảo đảm đúng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Về tăng mức bồi thường:

Theo quy định tại khoản 2 điều 590 Bộ luật Dân sự, mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Với mức tổn thương cơ thể 53%, án sơ thẩm tính mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 27 tháng lương cơ sở là phù hợp. Tổng tiền bồi thường án sơ thẩm tính gồm: Tiền thuốc, viện phí, tiền xe đi viện, tiền thu nhập của người phục vụ, tiền tổn thất về tinh thần bằng 114.320.000đ là có căn cứ chấp nhận. Riêng tiền ăn của bị hại trong thời gian điều trị 5.520.000đ không được chấp nhận, vì nếu không bị thương tích, bị hại vẫn phải ăn uống hàng ngày. Ngoài ra án sơ thẩm chưa tính tiền bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe cho bị hại, do vậy cần tính số tiền này khoảng 35.000.000đ. Tổng số tiền bồi thường là 149.320.000đ. Kháng cáo về việc tăng mức bồi thường, có căn cứ chấp nhận.

Thương tích là do bị cáo T gây ra do vậy trách nhiệm bồi thường chủ yếu do gia đình bị cáo T phải chịu. Phần của gia đình bị cáo T 124.320.000đ, đã bồi thường 25.000.000 đồng còn phải bồi thường 99.320.000đ. Phần của gia đình bị cáo M, D cùng mức 12.500.000 đồng.

Ngoài ra việc tuyên trách nhiệm liên đới bồi thường của án sơ thẩm chưa đúng, cần phải chỉnh sửa lại.

Số tiền bồi thường thay đổi nên mức án phí cần tính lại tương ứng với trách nhiện bồi thường. Đại diện của bị cáo T phải chịu án phí dân sự bằng 99.320.000đ x 5%

[3] Về án phí phúc thẩm:

Kháng cáo về phần bồi thường của đại diện bị hại được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật, cần giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại về việc yêu cầu xử lý các bị cáo về tội giết người, có người đồng phạm khác chưa bị xử lý, yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện bị hại về yêu cầu tăng hình phạt, tăng mức bồi thường.

- Thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Phạm Đình D.

- Sửa bản án sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 29/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

1. Về tội danh: Các bị cáo Nguyễn Bá T, Tạ Ngọc Bình M, Phạm Đình D phạm tội " Cố ý gây thương tích"

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; 17, 58; 38, 91, 101, 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bá T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 22 tháng 9 năm 2021.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, 17, 58, 38, 91, 101, 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc Bình M 2 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, 17, 58, 91, 101, 54, 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đình D 2 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 22/6/2022.

Giao bị cáo Phạm Đình D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật dân sự:

Buộc người đại diện hợp pháp của các bị cáo Nguyễn Bá T, Tạ Ngọc Bình M, Phạm Đình D phải liên đới bồi thường cho cháu Vũ Văn Q số tiền gồm: Tiền thuốc, tiền viện phí, tiền xe đi viện, tiền thu nhập của người phục vụ, tiền tổn thất về tinh thần, tiền bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe, tổng bằng 149.320.000đ.

Chia phần cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị K người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Bá T phải bồi thường 124.320.000đ, đã bồi thường 25.000.000 đồng còn phải bồi thường 99.320.000 *(chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi ngàn)* đồng.

- Ông Tạ Hồng Đ và bà Bùi Thị O người đại diện hợp pháp của bị cáo Tạ Ngọc Bình M phải bồi thường 12.500.000 đồng, đã bồi thường 12.500.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của ông Đ, bà O đã xong.

- Ông Phạm Đình H và bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Đình D phải bồi thường 12.500.000 đồng, đã bồi thường 12.500.000 đồng, trách nhiệm bồi thường của ông H, bà H1 đã xong.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo T M phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự cho bị cáo D. Bà Nguyễn Thị K phải chịu 4.966.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ bà O, ông H bà H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Ông T2, bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/6/2022.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự h Thái Thụy*
- *Bị cáo, bị hại*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lưu Toàn Nghĩa